TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ R** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12-9-2023
"Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Minh Thống.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Ngô Thị Diễm Thúy;

2. Bà Nguyễn Thị Phương Trang.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Bà Ngô Thị Kim Lài – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Văn Sóc - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố R xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2023, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Q, sinh ngày 01/01/1998 (có mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp Ư, xã B, huyện R, tỉnh Đồng Tháp

2. Bị đơn: Anh Đặng Duy W, sinh năm 1994 (vắng mặt lần thứ 2).

Địa chỉ cư trú: Ấp E, xã R, thành phố R, tỉnh Đồng Tháp.

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Q trình bày:

Chị và anh Đặng Duy W cưới nhau vào năm 2021, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã R vào ngày 27/5/2022, hôn nhân không tìm hiểu trước, do mai mối. Vợ chồng chung sống được 02 năm và đã có 01 con chung tên Đặng Nguyễn X sinh ngày 29/9/2021. Trong quá trình chung sống, đến tháng 2/2022 giữa vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh W chơi cờ

bạc, chị khuyên ngăn nhưng anh W không thay đổi, thậm chí còn lấy vàng cưới của vợ chồng đi chơi đánh bạc và anh W cũng không chăm lo cho con. Và cũng từ đó chị ly thân với anh W và về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Trong khoảng thời gian này, anh W không thăm hỏi hay gửi tiền nuôi dưỡng con. Nay xét thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, nên:

Về hôn nhân: Chị yêu cầu ly hôn với anh Đặng Duy W.

Về con chung: Có 01 con chung tên Đặng Nguyễn X, sinh ngày 29/9/2021, nay ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh W cấp dưỡng cho con theo quy định pháp luật, thời gian cấp dưỡng tính từ khi vợ chồng ly thân tháng 2/2022.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn anh Đặng Duy W: Đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt và cũng không gửi văn bản ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị Q.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều được thực hiện theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội Q giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 91 và Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Q đối với anh Đặng Duy W.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Q được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đặng Nguyễn X, sinh ngày 29/9/2022, anh W có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cặp giải quyết.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ kiện tranh chấp về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và bị đơn Đặng Duy W hiện cư trú tại ấp Bình Hòa, xã R, thành phố R, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố R theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn Đặng Duy W đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không tham gia phiên toà. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội Q:

[2.1] Xét về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Q yêu cầu ly hôn với anh Đặng Duy W. Hội đồng xét xử xét thấy, theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, chị Nguyễn Thị Q và anh Đặng Duy W cưới nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã R, thành phố R, tỉnh Đồng Tháp, đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến đầu năm 2022 thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh W không lo làm ăn mà chỉ lo tụ tập cờ bạc, chị Q có khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh W vẫn không sửa đổi nên chị Q về nhà cha, mẹ ruột của chị sống và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian ly thân, anh W không tới thăm chị Q và con, không hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, tình cảm giữa anh chị không còn, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, trong thời gian Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, anh W được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến và gửi văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu của chị Q, điều này thể hiện anh W không có thiện chí hàn gắn tình cảm. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Q là hoàn toàn phù hợp với quy định Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Q yêu cầu tiếp tục nuôi con tên Đặng Nguyễn X, sinh ngày 29/9/2021 và yêu cầu anh W cấp dưỡng theo quy định. Xét thấy, cháu An từ khi sinh ra cho đến nay đều do chị Q trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, anh W không phụ giúp tài chính cũng như chăm sóc cháu An. Như đã nhận định, bản thân anh W đã nhận và biết nội Q yêu cầu khởi kiện của Q, bao gồm cả yêu cầu được tiếp tục nuôi con và cấp dưỡng, nhưng anh W vẫn không gửi văn bản ý kiến hoặc đến Tòa trình bày ý kiến của mình, đều này thể hiện anh W không quan tâm đến gia đình, không làm tròn trách nhiệm người cha. Theo quy định của tại khoản 3 Điều 81 và khoản 2 Điều 82 thì con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng và cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa

vụ cấp dưỡng cho con, tính ngày xét xử thì cháu An chưa đủ 36 tháng tuổi và anh W không trực tiếp nuôi con thì có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng mỗi tháng là 01 tháng lương cơ sở (tại điểm thi hành án), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 2/2022 cho đến khi cháu X đủ 18 tuổi, tự lao động, sinh sống được. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị Q là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận. Mặc dù, anh W không trực tiếp nuôi con nhưng chị Q cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh W trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Q trình bày, chị và anh W chung sống không có tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Chị Q trình bày, chị và anh W chung sống không có nợ ai và cũng không ai nợ anh chị, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp pháp luật.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc các đương sự phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định, theo đó:

[4.1] Chị Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001137, ngày 03/7/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố R, chị Q đã nộp xong.

[4.2] Anh Đặng Duy W phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trên nghĩa vụ cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 39, 147 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 71, 81, 82, 83 và Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Q. Chị Nguyễn Thị Q được ly hôn với anh Đặng Duy W.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Q. Chị Nguyễn Thị Q được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đặng Nguyễn X, sinh ngày 29/9/2021, anh W có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng bằng 01(một) tháng lương cơ sở (tính tại thời điểm thi hành án). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 2/2022 cho đến khi cháu X trưởng thành, đủ 18 tuổi, tự lao động sinh sống được. Chị Q cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh W trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001137, ngày 03/7/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố R, chị Q đã nộp xong.

Anh Đặng Duy W phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 12/9/2023). Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thành phố R;
- UBND xã R;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Thống